

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc năm 2025, kế hoạch thực hiện năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh về dự kiến nội dung, chương trình Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 của HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026; UBND tỉnh báo cáo tình hình triển khai thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc năm 2025, kế hoạch thực hiện năm 2026, như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG

Tỉnh Đắk Lắk (sau khi hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên) giáp với các tỉnh Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Vương quốc Campuchia và biển Đông; có diện tích tự nhiên 18.096,40 km²; 102 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 88 xã và 14 phường); dân số 3.307.117 người; có 44 dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống trên địa bàn tỉnh với 839.909 người, chiếm tỷ lệ 25,4% dân số toàn tỉnh; trong đó, đông nhất là dân tộc Ê đê 427.736 người (12,93%), dân tộc Nùng 90.971 người (2,75%), dân tộc Tày 66.645 người (2,02%), dân tộc M'ông 56.485 người (1,71%), dân tộc Mông 45.073 người (1,36%), dân tộc Gia Rai 23.964 người (0,72%); dân tộc Thái 23.953 người (0,72%), các dân tộc khác 105.082 người (3,18%).

Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 và Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Ủy ban Dân tộc (*nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo*), tính theo đơn vị hành chính cấp xã trước khi thực hiện chính quyền 02 cấp (ngày 01/7/2025), tỉnh Đắk Lắk có 152 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, có 65 xã khu vực III, 2 xã khu vực II, 85 xã khu vực I và 507 thôn, buôn đặc biệt khó khăn.

Theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Đắk Lắk có 11 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn là: Ba na, Dao, Ê đê, Gia rai, Hmông, Lào, M'ông, Xơ đăng, Hrê, Xtiêng, Chăm, với 617.985 người (18,69%); 01 dân tộc có khó khăn đặc thù là dân tộc Chứt, với khoảng 1.000 người (0,03%).

Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 tính đến 31/12/2024, tỉnh Đắk Lắk có 805.233 hộ dân; trong đó, dân tộc thiểu số: 192.615 hộ, chiếm tỷ lệ 23,92%. Tổng số hộ nghèo: 40.917 hộ, chiếm tỷ lệ 5,08%; tổng số hộ cận nghèo: 43.444 hộ, chiếm tỷ lệ 5,40% so với tổng số hộ dân; trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số: 27.079 hộ, chiếm tỷ lệ 14,06%; hộ cận nghèo dân tộc thiểu số: 20.112 hộ, chiếm tỷ lệ 10,44% so với số hộ dân tộc thiểu số.

Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành, cùng với nỗ lực vươn lên của đồng bào các dân tộc, việc triển khai đồng bộ các chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã đạt nhiều kết quả tích cực. Trong năm 2025, tình hình kinh tế - xã hội của vùng tiếp tục phát triển ổn định; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; sinh kế của người dân ngày càng đa dạng, phong phú; thu nhập được cải thiện rõ rệt; đời sống vật chất và tinh thần ngày càng nâng cao. Công tác giữ gìn an ninh trật tự được bảo đảm; khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố và tăng cường, góp phần tạo nền tảng quan trọng cho phát triển bền vững.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

Trong những năm qua, việc thực hiện các chương trình, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm đầu tư, thông qua cả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình giảm nghèo bền vững; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*Chương trình MTQG 1719*). Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Đắk Lắk được ngân sách trung ương phân bổ 6.837 tỷ đồng để thực hiện 03 Chương trình MTQG (trong đó, vốn đầu tư phát triển hơn 4.161 tỷ đồng; vốn sự nghiệp hơn 2.676 tỷ đồng); tỉnh Đắk Lắk cũng đã cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương đối ứng hơn 1.688 tỷ đồng để thực hiện 03 Chương trình MTQG (trong đó, vốn đầu tư phát triển hơn 1.351 tỷ đồng; vốn sự nghiệp hơn 337 tỷ đồng).

1. Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách, dự án đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1.1. Chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Ngân sách nhà nước đã bố trí hơn 130,3 tỷ đồng thực hiện Dự án 1 Chương trình MTQG 1719 hỗ trợ đất ở 83 hộ, nhà ở 1.983 hộ, đất sản xuất 342 hộ. Đến nay, đã giải ngân hơn 23 tỷ đồng để hỗ trợ nhà ở cho 523 hộ và hỗ trợ đất ở cho 4 hộ. Ngoài ra, tỉnh đã thực hiện 16 dự án ổn định, sắp xếp dân cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại 15 xã với kinh phí hơn 705 tỷ đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho khoảng 2.200 hộ, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho hơn 7.300 hộ với tổng kinh phí trên 24 tỷ đồng.

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Hỗ trợ nhà ở cho 1.788 hộ nghèo, hộ cận nghèo (xây mới 1.090 hộ, sửa chữa 698 hộ)¹.

1.2. Chính sách cho hộ nghèo dân tộc thiểu số vay vốn

Chính sách tín dụng cho đồng bào dân tộc thiểu số có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tổng dư nợ chính sách tín dụng ưu đãi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ là 182.904 triệu đồng với 3.624 hộ, trong đó: Cho vay hỗ trợ đất sản xuất 44 hộ/2.101 triệu đồng; cho vay hỗ trợ làm nhà 1.887 hộ/74.898 triệu đồng; cho vay chuyển đổi nghề 1.693 hộ/105.905 triệu đồng.

1.3. Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

Hiện nay, toàn tỉnh có 1.063 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Tỉnh đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người có uy tín như: Thực hiện cấp báo không thu tiền Báo Dân tộc và Phát triển số cuối tháng (01 tờ/người/kỳ/tháng) và Báo Đắc Lắc (01 tờ/người/kỳ); tổ chức 03 Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức định kỳ; hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần trong các dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ; thăm hỏi, động viên 16 người có uy tín bị ốm đau, thăm viếng 16 người có uy tín qua đời; tổ chức 03 Đoàn đi học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh. Các địa phương (*khu vực Phú Yên cũ*) thực hiện chi trả tiền phụ cấp hàng tháng không quá 0,3% mức lương cơ sở/người/tháng từ nguồn ngân sách địa phương cho người có uy tín đảm bảo kịp thời theo Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên. Những năm qua, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đã phát huy vai trò nòng cốt trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Qua đó, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giữ gìn an ninh trật tự xã hội trong cộng đồng, bảo tồn và phát huy những phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp trong đồng bào dân tộc thiểu số.

1.4. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến hết năm 2025 đạt 95,91%. Hiện nay, ngành Nông nghiệp đang quản lý vận hành 51 công trình cấp nước tập trung nông thôn (trong đó, có 01 công trình sáp nhập từ phía Đông Đắc Lắc đã ngừng hoạt động), với tổng số hộ sử dụng nước là 36.490 hộ, trong đó số hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng nước từ các công trình do đơn vị quản lý hơn 9.480 hộ; trong đó, có hơn 6.468 hộ đồng bào dân tộc thiểu số vùng III và các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo ở các vùng còn

¹ Trong đó, số hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở 1.534 hộ (xây mới 965 hộ, sửa chữa 569 hộ); số hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở 254 hộ (xây mới 125 hộ, sửa chữa 129 hộ).

lại được hỗ trợ 5m³ nước sạch từ các công trình cấp nước tập trung do đơn vị quản lý cho các hộ đồng bào.

1.5. Chính sách về y tế và chăm sóc sức khỏe

Ngành Y tế đã chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; tăng cường đầu tư trang thiết bị; củng cố nhân lực, bố trí cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn và thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng thiếu thuốc, thiết bị, vật tư y tế tại các cơ sở y tế.

Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế là 98,1%. Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ đạt 86,7%. Tỷ lệ phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế đạt 99%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt 15,3%. Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số đạt 70,9 tuổi; trong đó, thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 65 năm. Tỷ lệ trẻ em DTTS dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 19%, thấp còi 28%. Số trạm y tế xã được nâng cấp 279 trạm. Tỷ lệ thôn/buôn có nhân viên y tế 100%. Tỷ lệ tảo hôn 3,0%. Công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, tuyên truyền vận động kế hoạch hóa gia đình,... cho đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng, công tác vệ sinh phòng dịch vùng dân tộc thiểu số đã được triển khai kịp thời, có hiệu quả. Công tác truyền truyền, hướng dẫn đồng bào thực hiện dân số và kế hoạch hoá gia đình được thực hiện đồng bộ, thường xuyên.

Thực hiện Dự án 7 Chương trình MTQG 1719, ngân sách nhà nước đã phân bổ hơn 79 tỷ đồng vốn đầu tư để đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho 02 Trung tâm Y tế khu vực; hỗ trợ 22 mô hình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời; tổ chức trên 100 buổi nói chuyện chuyên đề tại các xã khu vực III; tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi; lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho khoảng 1.700 người cao tuổi; tổ chức nhiều hội nghị, tập huấn về nâng cao năng lực quản lý dân số và năng lực cơ sở y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với trên 1.600 lượt cán bộ y tế, viên chức dân số của Trạm Y tế xã tham dự,... với kinh phí đã thực hiện là 6,7 tỷ đồng.

1.6. Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo

Hiện nay, toàn tỉnh có 1.379 cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (Mầm non: 453, Tiểu học: 456, THCS: 349, THPT: 94, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX): 24 và 03 trường Cao đẳng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo); 21 trường phổ thông Dân tộc Nội trú, với tổng số lớp là 129 và 4.379 học sinh²

² Trường PTDTNT THPT N'Trang Long: 18 lớp với 549 học sinh; trường PTDTNT THPT Đam San: 18 lớp, với 622 học sinh; trường PTDTNT THPT Phú Yên: 09 lớp với 314 học sinh và 18 trường PTDTNT cấp THCS: 84 lớp với 2.894 học sinh.

(Bao gồm 03 Trường PTDTNT cấp THPT và 18 trường PTDTNT cấp THCS), 07 trường phổ thông Dân tộc Bán trú³. Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2025 đạt 59,29% (KH: 59%). Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 và Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2029 của Chính phủ, đã thu hút được giáo viên từ vùng thuận lợi đến vùng khó khăn công tác; qua đó, chất lượng giáo dục vùng khó khăn ngày càng được nâng cao. Tỉnh đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn, tổ chức lễ khởi công 03 trường nội trú liên cấp tại xã: Buôn Đôn, Ia Lốp, Ia Rvê theo Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị, với tổng kinh phí 390,477 tỷ đồng, nhằm tạo điều kiện học tập tốt nhất cho con em vùng biên.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên đã tuyển sinh đào tạo 19.961 học viên. Tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp cho khoảng 22.000 học sinh tham gia (16.400 học sinh THCS, 5.600 học sinh THPT). Tỷ lệ học sinh sau THCS đăng ký tham gia học nghề hoặc tiếp tục học chương trình GDTX kết hợp học nghề có xu hướng tăng nhẹ. Nhu cầu tuyển sinh tại các Trung tâm GDNN-GDTX, Trung tâm GDTX tỉnh năm học 2025 - 2026 có 2.665 học viên.

Ngân sách nhà nước đã bố trí khoảng 173 tỷ đồng thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 5 Chương trình MTQG 1719 để đầu tư cơ sở hạ tầng cho 18 trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT); mua sắm, cung cấp trang thiết bị dạy học, thiết bị chuyên đổi số, duy trì hoạt động thường xuyên của 02 trường PTDTNT THPT N'Trang Long và Đam San; đồng thời, hỗ trợ kinh phí triển khai 07 lớp xóa mù chữ cho người dân, 16 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 3, đối tượng 4 và lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với khoảng 1.700 lượt người tham gia, 4 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho khoảng 200 học viên.

³ 06 trường PTDTBT THCS (trường PTDTBT THCS Phan Bội Châu, thuộc xã Ea Trang, trường PTDTBT THCS Nguyễn Khuyến, thuộc xã Cư Pao, trường PTDTBT THCS Võ Nguyên Giáp, thuộc xã Cư M'ta, trường PTDTBT THCS Tô Hiệu xã Krông Á, trường PTDTBT THCS Đinh Núp, thuộc xã Phú Mỹ, trường PTDTBT TH và THCS Bùi Thị Xuân, thuộc xã Cư Pong); 01 trường PTDTBT Tiểu học (trường PTDTBT Tiểu học Trần Quốc Toàn, thuộc xã Ea Trang).

1.7. Chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa, thể thao, du lịch vùng dân tộc thiểu số

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, đặc biệt là trong lĩnh vực di sản, ngày càng được triển khai chặt chẽ, bài bản và chuyên nghiệp hơn. Nhiều nghi lễ, lễ hội truyền thống của các dân tộc được phục dựng; các hoạt động giao lưu văn hóa, liên hoan văn hóa công chiêng, dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc được tổ chức định kỳ, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh đã phối hợp với các Sở, ngành và địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao dân gian như: Liên hoan văn hóa công chiêng, dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc, liên hoan nghệ thuật quần chúng,... Tổ chức tái hiện các nghi lễ tham gia các hoạt động ngoại tỉnh⁴. Bên cạnh đó, định kỳ hàng năm, tổ chức nghi lễ - lễ hội truyền thống như: Lễ cúng mừng mùa của đồng bào dân tộc Xơ Đăng, nghi lễ ăn cơm mới của dân tộc Thái, Lễ hội đua thuyền truyền thống, lễ hội Lồng Tồng của đồng bào dân tộc Tày, lễ hội văn hóa các dân tộc Việt Bắc, lễ cúng bến nước của dân tộc Êđê, lễ hội đua voi Buôn Đôn, nghi lễ cúng cầu mưa,... Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức phong phú đã góp phần giới thiệu, quảng bá bản sắc văn hóa của các dân tộc trong tỉnh đến bạn bè trong nước và quốc tế; đồng thời đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Hiện nay, toàn tỉnh có 57 nghệ nhân được phong tặng, truy tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú⁵, (trong đó, có 45 nghệ nhân thuộc tỉnh Đắk Lắk cũ và 12 nghệ nhân thuộc tỉnh Phú Yên trước đây) trong các lĩnh vực: Nghệ thuật trình diễn dân gian, tri thức dân gian, ngữ văn dân gian, tập quán xã hội và tín ngưỡng; 100% các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh đã tổ chức cho các em học sinh mặc trang phục truyền thống của dân tộc mình trong giờ chào cờ đầu tuần và các ngày lễ lớn của địa phương, dân tộc; trong các buổi sinh hoạt văn hóa với địa phương và tổ chức các hoạt động ngoại khóa về văn hóa công chiêng; 100% Nhà văn hóa cộng đồng được cấp trang thiết bị, phương tiện hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao như: Bàn ghế, bục, micro, âm thanh, công chiêng, phong, cờ Đảng, cờ Tổ quốc, dụng cụ thể thao,... cơ bản đáp ứng nhu cầu tổ

⁴ Lễ kết nghĩa Mẹ - con tham gia Liên hoan diễn xướng dân gian văn hóa các dân tộc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên; Lễ cúng lúa mới của người Gia Rai tham gia các hoạt động trong khuôn khổ các hoạt động “Ngày Văn hoá các dân tộc Việt Nam”; Lễ kết nghĩa Mẹ - con của dân tộc Êđê tham gia Tuần “Đại đoàn kết các dân tộc - Di sản Văn hóa Việt Nam” tại Làng Văn hóa Du lịch các dân tộc Việt Nam, Đồng Mô, Sơn Tây, Hà Nội; Lễ cúng Trường thành của người Êđê tham gia Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc vùng Tây Nguyên...

⁵ Báo cáo số 0138/BC-SVHTTDL ngày 27/9/2025 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Quyết định số 355/QĐ-CTN ngày 8/3/2019, về việc phong tặng Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” Quyết định số 1021/QĐ-CTN ngày 9/9/2022 của Chủ tịch nước về việc phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Nghệ nhân ưu tú”; Quyết định số 1022/QĐ-CTN của Chủ tịch nước về việc truy tặng danh hiệu Nhà nước “Nghệ nhân ưu tú”...

chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, giao lưu văn hóa, giải trí và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tại địa phương.

Ngân sách nhà nước đã bố trí hơn 24 tỷ đồng thực hiện Dự án 6 Chương trình MTQG 1719 để đầu tư 64 công trình văn hóa gắn với du lịch; đồng thời, hỗ trợ khoảng 8 tỷ đồng để xây dựng 54 tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tổ chức 04 lớp hội nghị tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể, hỗ trợ nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận; tổ chức các hoạt động hội thi, liên hoan văn hóa, thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số, các lớp dạy kỹ năng đánh cồng chiêng, múa xoan và nhạc cụ dân tộc và nhiều hoạt động khác có liên quan nhằm hỗ trợ phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; hỗ trợ thông tin tuyên truyền, quảng bá du lịch, giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số và hỗ trợ thông tin cho khách du lịch; hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể (nghề làm gốm thủ công) dân tộc M'Nông tại buôn Dong Bắk, xã Yang Tao, huyện Lắc (cũ).

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã hỗ trợ tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn; đến nay, đã có 100% xã có nhà văn hóa, thể thao theo quy định; 96,2% thôn, buôn có hội trường hoặc nhà văn hóa cộng đồng, góp phần đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao,... trên địa bàn.

1.8. Chính sách phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý

1.8.1 Công tác phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL)

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chính sách dân tộc thông qua nhiều hình thức như: Tổ chức Hội nghị, tổ chức các cuộc thi, biên soạn và phát hành tài liệu tuyên truyền và phổ biến pháp luật. Qua đó, đã đạt được nhiều kết quả nhất định, như: Tổ chức 02 Hội nghị trực tuyến phổ biến, quán triệt các Luật, Nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8 và Kỳ họp thứ 9; thường xuyên cập nhật tin, bài trên Trang thông tin điện tử PBGDPL của tỉnh; tổ chức các cuộc thi trực tuyến về tìm hiểu pháp luật,...

Tiếp tục duy trì thường xuyên việc xây dựng, phát hành Bản tin Tư pháp Đắk Lắk, trong năm 2025, đã phát hành 1.500/cuốn/quý để cấp phát miễn phí cho báo cáo viên cấp tỉnh, phòng, ban cấp huyện, cán bộ, công chức cấp xã và trưởng thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn toàn tỉnh; phát hành hàng triệu ấn phẩm tuyên truyền pháp luật, tờ rơi, tờ gấp và thường xuyên đăng tải tin, bài trên Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh (pbgdpl.daklak.gov.vn), Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp (sotuphap.daklak.gov.vn; sotuphap.phuyen.gov.vn);

Trang Zalo Official Account “PBGDPL luật tỉnh Đắk Lắk”,... để tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cũng như các quy định pháp luật hiện hành. Qua đó, không chỉ nâng cao kiến thức pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức mà còn góp phần bảo đảm quyền được thông tin pháp luật của Nhân dân các dân tộc, giúp đồng bào nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hiện có 80 tủ sách pháp luật, được bố trí tại vị trí thuận tiện, được quản lý theo quy định và thường xuyên được rà soát, cập nhật, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả khai thác, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thông tin, tiếp cận pháp luật của đồng bào dân tộc thiểu số và Nhân dân ở cơ sở.

1.8.2. Công tác trợ giúp pháp lý (TGPL)

- Công tác TGPL tiếp tục được nâng cao về chất lượng, thu hút đông đảo cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia TGPL, kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng thụ hưởng TGPL, nhất là người nghèo, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trong thời gian qua, các Trung tâm TGPL nhà nước đã thụ lý 4.396 vụ việc, trong đó, có 1.134 vụ việc TGPL cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số (1.122 vụ việc tham gia tố tụng, 11 vụ việc tư vấn: 01 vụ việc đại diện ngoài tố tụng).

Hoạt động truyền thông về TGPL cho người đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện thường xuyên thông qua Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, Báo Đắk Lắk; đặc biệt, Trung tâm TGPL nhà nước số 1 đã thiết lập tài khoản Zalo của “Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Đắk Lắk” nhằm tăng cường ứng dụng mạng xã hội trong hoạt động TGPL.

2. Kết quả thực hiện về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới

2.1. Về an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững

Hỗ trợ 442 dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng theo Chương trình MTQG 1719 cho 7.151 hộ/nhóm hộ; Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững triển khai 69 mô hình giảm nghèo (trong đó: 06 mô hình trồng trọt, 62 mô hình chăn nuôi, 01 mô hình phi nông nghiệp) với sự tham gia của 1.642 hộ là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

Bước đầu hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn gắn với các cơ sở sơ chế, chế biến; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

phù hợp, hiệu quả, đẩy mạnh tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, có chứng nhận; số lượng và tỷ lệ sử dụng phân bón hóa học giảm, phân bón hữu cơ tăng lên tương ứng; thu hút đầu tư doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến, nhất là nông nghiệp công nghệ cao và cơ giới hóa nông nghiệp được tăng cường, đã hình thành được một số khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ có vốn đầu tư hàng trăm tỷ đồng; cơ sở hạ tầng nông thôn đã đảm bảo cơ bản để đảm bảo thuận tiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề, cụm nghề, ngành nghề nông thôn.

2.2. Về xây dựng cơ sở hạ tầng

Thực hiện Tiêu chuẩn 1 Dự án 4 Chương trình MTQG 1719, đã phân bổ trên 1.340 tỷ đồng để đầu tư, xây dựng mới 157 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống và duy tu bảo dưỡng 174 công trình trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, lồng ghép với 02 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; đến nay, có 100% đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông, trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân; tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt trên 70%; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt 99%.

3. Kết quả xây dựng hệ thống chính trị và quốc phòng - an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

3.1. Về xây dựng hệ thống chính trị

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, giải pháp về công tác tạo nguồn, quy hoạch, luân chuyển, điều động, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số nên đã tạo được sự chuyển biến quan trọng trong công tác cán bộ của tỉnh, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số có sự chuyển biến theo hướng tích cực, nhất là về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị.

Ngoài ra, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn còn được hưởng một số chính sách như: Phụ cấp thu hút; phụ cấp công tác lâu năm; trợ cấp lần đầu; trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch; trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu; thanh toán tiền tàu xe; trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp lưu động và phụ cấp dạy tiếng dân tộc thiểu số đối với nhà giáo, viên chức quản lý giáo dục.

Tính đến nay, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS trong hệ thống chính trị các cấp là⁶ 10,02%; tỷ lệ cán bộ là người DTTS cấp xã 17,30%, tỷ lệ cán bộ là người DTTS cấp tỉnh 6,25%.

3.2. Về quốc phòng - an ninh

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng được tăng cường, an ninh biên giới được giữ vững. Tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững mạnh. Công tác tuyển chọn công dân nhập ngũ đạt 100%. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các già làng, trưởng buôn, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, trưởng dòng họ để tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức về nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện tốt công tác kết nạp đảng viên cho quân nhân là người dân tộc thiểu số trong thời gian tại ngũ để tạo nguồn cho cơ sở. Lực lượng công an đã triển khai nhiều biện pháp bảo đảm an ninh, tập trung mở nhiều đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm và tệ nạn xã hội, triệt phá nhiều vụ án, điều tra khám phá nhanh và giải quyết dứt điểm các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được đẩy mạnh, đạt hiệu quả, thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh. Lực lượng công an chính quy tại các xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành pháp luật, tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (ANTQ); tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương nắm chắc tình hình, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, đấu tranh kiềm chế, không để xảy ra tình hình phức tạp về an ninh chính trị ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiếp tục triển khai Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Công an tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tham mưu tổ chức 116 “điểm” “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; Hướng dẫn xây dựng mới, nhân rộng 43 mô hình tại 76 khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục. Hiện nay, đang duy trì hoạt động của 184 mô hình trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ với 682 điểm tại các khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục; nhiều mô hình hoạt động hiệu quả được Bộ Công an, Công an tỉnh ghi nhận. Tiếp tục duy trì hoạt động 19 mô hình

⁶ Báo cáo số 0221/BC-SNV ngày 03/11/2025 của Sở Nội vụ Báo cáo về rà soát, đánh giá tình hình thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2021-2025, đề xuất, kiến nghị chính sách dân tộc giai đoạn 2026 – 2030; Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 02869/SNV-CCVC ngày 13/11/2025 đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp thông tin số liệu cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số.

“Dân vận khéo”; chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương, tổ chức đoàn thể thuộc Công an tỉnh nghiêm túc thực hiện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng mô hình, điển hình “Dân vận khéo”, gắn với các phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Giảm nghèo bền vững”,... góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp Nhân dân, vận động Nhân dân tích cực tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và sự quản lý, điều hành quyết liệt của chính quyền các cấp, công tác dân tộc và việc thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh tiếp tục được tăng cường, đổi mới và đạt nhiều kết quả quan trọng. Hầu hết các mục tiêu đề ra đều hoàn thành và nhiều chỉ tiêu đạt, vượt so với kế hoạch. Nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong tình hình mới được nâng lên rõ rệt. Đặc biệt, việc triển khai đồng bộ các Chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đã tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về diện mạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thu nhập của người dân được cải thiện, nâng cao; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm dần qua từng năm. Qua đó, góp phần quan trọng vào việc thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên, việc thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế:

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn cao, chiếm 14,06% trên tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số; số hộ thoát nghèo tăng nhưng chưa thật sự bền vững. Cơ sở hạ tầng ở nhiều nơi xuống cấp; đời sống Nhân dân còn khó khăn; trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở còn hạn chế. Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa tuy có nâng lên nhưng vẫn thấp hơn so với mặt bằng chung; việc tiếp cận các dịch vụ còn khó khăn; tình trạng học sinh bỏ học vẫn xảy ra; trang thiết bị y tế thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho Nhân dân.

- Nguồn lực đầu tư cho các chương trình, chính sách, dự án còn hạn chế, mức hỗ trợ của một số chính sách thấp, chưa phù hợp nhu cầu thực tế của địa phương.

- Một số vấn đề bức xúc trong Nhân dân chậm được giải quyết, như: Thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất; tình trạng vi phạm pháp luật vẫn xuất hiện ở một số nơi, nhất là phá rừng làm nương rẫy trái phép. Công tác đào tạo nghề nông thôn chưa thực sự hiệu quả, chưa tạo được sinh kế bền vững cho đồng bào.

- Tình hình an ninh nông thôn tiềm ẩn phức tạp; tội phạm ma túy, trộm cắp, cờ bạc, tín dụng đen vẫn xuất hiện tại nhiều địa bàn. Một bộ phận người dân còn nhẹ dạ, cả tin, nghe theo luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; một số trường hợp vi phạm pháp luật bị xử lý hình sự.

2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

- Xuất phát điểm thấp: Địa hình chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, chất lượng nguồn nhân lực thấp; khó thu hút đầu tư; cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ; diện tích sản xuất manh mún; phương thức canh tác chủ yếu dựa vào tự nhiên nên năng suất và hiệu quả thấp, sản phẩm hàng hóa không ổn định, khó tiêu thụ.

- Nguồn lực đầu tư hạn chế: Nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng lớn nhưng kinh phí chưa đáp ứng; nhiều chính sách ban hành nhưng thiếu nguồn lực triển khai. Mức hỗ trợ đất ở, đất sản xuất quá thấp so với giá thị trường nên người dân khó thực hiện chuyển nhượng; quỹ đất công ích còn hạn chế; quỹ đất từ các nông, lâm trường bàn giao còn phải chờ phê duyệt phương án sử dụng đất hoặc điều chỉnh quy hoạch. Nhiều hộ có nhu cầu hỗ trợ nhà ở nhưng đất ở chưa được cấp giấy chứng nhận hoặc chưa phù hợp mục đích sử dụng.

- Tác động của biến động kinh tế - xã hội: Giá cả vật tư sản xuất, hàng hóa tiêu dùng tăng cao; doanh nghiệp khó khăn trong sản xuất kinh doanh nên chưa mở rộng đầu tư; tình hình an ninh trật tự tại một số nơi vẫn phức tạp; tranh chấp, khiếu kiện đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng còn kéo dài, ảnh hưởng đến giải quyết việc làm và giảm nghèo.

- Chính sách và hướng dẫn triển khai chưa đồng bộ: Một số chính sách đặt mục tiêu lớn nhưng thời gian thực hiện ngắn, dàn trải; nhiều cơ quan cùng tham gia quản lý; văn bản hướng dẫn của Trung ương có sự điều chỉnh trong quá trình thực hiện, ảnh hưởng tiến độ thực hiện các chương trình và chính sách dân tộc.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức của một bộ phận cấp ủy, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, dẫn đến

việc chỉ đạo, triển khai thực hiện chưa thật sự quyết liệt; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm nghèo còn hạn chế, chưa tạo chuyển biến mạnh mẽ.

- Một bộ phận hộ nghèo dân tộc thiểu số thiếu kiến thức sản xuất, sử dụng vốn vay chưa hiệu quả; một số hộ còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo.

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026

1. Mục tiêu

Tiếp tục phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội; xóa bỏ các hủ tục lạc hậu gắn với gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, chú trọng xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

Năm 2026, công tác dân tộc đứng trước nhiều thuận lợi quan trọng, song cũng đối mặt không ít khó khăn, thách thức. Bối cảnh quốc tế diễn biến nhanh, phức tạp, cùng với yêu cầu phát triển trong nước, đòi hỏi phải nỗ lực hơn nữa, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế để tạo ra những cơ hội mới, thúc đẩy vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Toàn tỉnh tiếp tục quán triệt, triển khai nghiêm túc Kết luận số 65/KL-TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới. Đồng thời, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh về công tác dân tộc và chính sách dân tộc.

Trong đó, cần tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

2.1. Nhiệm vụ

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm giúp đồng bào dân tộc thiểu số nhận thức đầy đủ hơn về những thành tựu kinh tế - xã hội mà tỉnh đã đạt được trong thời gian qua, đặc biệt là những kết quả phát triển của khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Qua đó làm rõ vai trò, sự đóng góp quan trọng của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh - trật tự, bảo tồn văn hoá,... khẳng định vị trí của đồng bào dân tộc thiểu số là một lực lượng không thể tách rời trong quá trình phát triển bền vững của tỉnh. Tiếp tục tuyên truyền để Nhân dân hiểu rõ, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước; củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước; phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần tự lực, tự cường, ý thức cảnh giác, cùng nhau xây dựng quê hương giàu mạnh, đời sống Nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc. Công tác tuyên truyền cần đa dạng, linh hoạt về hình thức để phù hợp với từng dân tộc, từng địa bàn.

- Thể chế hóa đầy đủ, hiệu lực các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc, bao gồm cụ thể hóa các chủ trương về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, bảo tồn văn hoá, giữ vững an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vùng dân tộc thiểu số thành các quy định pháp lý đồng bộ; các văn bản quy định rõ cơ chế, chính sách hỗ trợ, phân bổ nguồn lực, tiêu chí thụ hưởng, an sinh xã hội và phát triển cán bộ dân tộc thiểu số; đồng thời bảo đảm hiệu lực thi hành cao, dễ triển khai và phát huy tác động thực tế đối với đời sống đồng bào dân tộc thiểu số; bố trí đầy đủ nguồn lực để thực hiện hiệu quả trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất; lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất, giá trị kinh tế cao; hình thành cơ chế tiêu thụ sản phẩm ổn định. Tăng cường thu hút đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số; hỗ trợ đồng bào phát huy tiềm năng, thế mạnh; khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới trong sản xuất để tạo sản phẩm hàng hóa giá trị cao, nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững và làm giàu chính đáng.

- Triển khai đầy đủ các chính sách hỗ trợ người nghèo, chăm lo đời sống đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung nguồn lực cho các xã đặc biệt khó khăn, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, thôn, buôn có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả việc giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh giải quyết việc làm, hỗ trợ xuất khẩu lao động, tạo sinh kế bền vững cho đồng bào nghèo.

- Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, tăng cường quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc; chú trọng phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số, phát huy vai trò của già làng, trưởng thôn, buôn, người có uy tín. Qua đó, củng cố hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh dạy nghề theo nhu cầu thị trường lao động; chú trọng đào tạo lao động kỹ thuật cho các khu công nghiệp. Thực hiện tốt chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn, trong đó, ưu tiên lao động dân tộc thiểu số; phát triển dịch vụ giới thiệu việc làm, hỗ trợ xuất khẩu lao động.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, bảo đảm chế độ bảo hiểm y tế và các chương trình y tế quốc gia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em. Tăng cường y tế dự phòng, bảo đảm vệ sinh môi trường, hạn chế dịch bệnh.

- Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; đầu tư thiết chế văn hóa cơ sở; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; mở rộng hoạt động thể dục thể thao quần chúng phù hợp từng địa bàn. Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống thông tin, viễn thông, phát thanh, truyền hình để bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin cho Nhân dân, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, giảm nghèo bền vững; đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá sản phẩm, nhất là nông sản. Hỗ trợ nông dân tiêu thụ hàng hóa; khuyến khích doanh nghiệp mở rộng thị trường; phát triển hệ thống phân phối, hợp tác xã đa chức năng phục vụ đồng bào vùng dân tộc thiểu số.

- Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng đường biên giới Việt Nam - Campuchia hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Chủ động ngăn chặn âm mưu, hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết; giải quyết căn bản tình trạng di cư tự do; phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm ma túy; ngăn chặn hoạt động truyền đạo trái phép; giảm tệ nạn xã hội, từng bước xóa bỏ hủ tục lạc hậu.

2.2. Giải pháp

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và tổ chức đoàn thể đối với đại đoàn kết dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc và các phong trào thi đua yêu nước, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể các cấp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chú trọng đến công tác xây dựng, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp, luật sư là người dân tộc thiểu số.

- Phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, củng cố an ninh nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phát huy vai trò của đội ngũ người có uy tín, già làng, trưởng thôn, buôn trong việc kiểm tra, giám sát, vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định

tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn - xã hội trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thường xuyên tuyên truyền về các phong trào thi đua, biểu dương, tôn vinh gương người tốt, việc tốt, tổng kết những bài học kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

- Huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển, ưu tiên đầu tư cho công tác giảm nghèo, phát triển nhanh kinh tế - xã hội, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc ở cơ sở, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chú trọng công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, hướng dẫn đồng bào các dân tộc thiểu số chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa; xây dựng, phổ biến và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả tại thôn, buôn; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm tăng năng suất, hiệu quả sản xuất, nâng cao thu nhập.

- Tổ chức các lớp đào tạo nghề truyền thống, nghề xã hội cần nhiều lao động cho thanh niên dân tộc thiểu số. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp nhận công nhân là người dân tộc thiểu số; cơ quan xúc tiến, giới thiệu việc làm có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện cho lao động dân tộc thiểu số đi lao động hợp tác ở nước ngoài.

- Thực hiện tốt công tác giáo dục, đào tạo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ, miễn giảm học phí đối với học sinh dân tộc thiểu số; tạo điều kiện cho các cháu học sinh đến trường, giảm thiểu tình trạng bỏ học. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà ở, nhà công vụ của giáo viên; nâng cao cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học. Các cơ quan nhà nước, đoàn thể, các doanh nghiệp ưu tiên tuyển dụng các cháu là dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp vào làm việc.

- Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe bằng việc củng cố và tăng cường hệ thống y tế cấp xã về cơ sở vật chất và cán bộ chuyên môn. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đồng bào giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Quan tâm đầu tư cho các hoạt động hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí lành mạnh, làm cho văn hóa từng bước thấm sâu vào từng thôn, buôn; sử dụng có hiệu quả nhà sinh hoạt cộng đồng; tổ chức các hoạt động thể thao quần chúng, thể thao nghiệp dư, trước hết là trong thanh, thiếu niên.

- Đổi mới nội dung và phương pháp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; quán triệt phương châm: Chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc; sử dụng nhiều phương thức phù hợp với đặc thù của từng dân tộc, từng địa phương.

- Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, tiếp tục quán triệt sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác dân tộc và chính sách dân tộc; đặc biệt, cần quan tâm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi; đồng thời, chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc bằng các chương trình, kế hoạch, nghị quyết và chính sách cụ thể, thiết thực; chú trọng đẩy mạnh việc chỉ đạo, điều hành sát sao sẽ phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đoàn kết, đồng lòng thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc năm 2025, kế hoạch thực hiện năm 2026; UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc, HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng TH thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Vn.30b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn